



CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Số: 17/2024/CBTT-PAC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 15 tháng 03 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

**I. Tên tổ chức công bố thông tin:**

- CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: 038.999.5673 Fax:
- Mã chứng khoán: PAT
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Tiên Đức – Giám đốc
- Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**II. Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo thường niên năm 2023 ngày 15 tháng 03 năm 2024

Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam thông báo để các cổ đông được biết.

Thông tin được công bố trên website của công ty <https://pacvietnam.vn/> vào ngày 15/03/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người thực hiện công bố thông tin**

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC

*Đặng Tiên Đức*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO**  
**APATIT VIỆT NAM**

**Năm báo cáo 2023**

*Lào Cai, tháng 3 năm 2024*

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 5300656602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 13 tháng 1 năm 2014, thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 9 năm 2018.
- Vốn điều lệ hiện tại: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Website: <https://pacvietnam.vn/>.
- Mã cổ phiếu: PAT.
- Sàn giao dịch: Upcom - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Tổng số cổ phần đang niêm yết: 25.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.000.000 cổ phần.

### Quá trình hình thành, phát triển và các mốc lịch sử quan trọng:

- Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam được thành lập ngày 13 tháng 01 năm 2014 với vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng.
- Tháng 9/2018, Công ty tăng vốn lên 250.000.000.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Tháng 6/2022: Cổ phiếu PAT của Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam được chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

#### ❖ Ngành nghề kinh doanh chính:

- ✓ Sản xuất hóa chất cơ bản: sản xuất, chế biến, kinh doanh phốt pho vàng và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ phốt pho vàng và Apatit, Axit phốt pho ric
- ✓ Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (Quặng quắc zít)
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- ✓ Kinh doanh, xuất nhập khẩu:
- ✓ Các máy móc, thiết bị, phụ tùng vật tư phục vụ cho sản xuất, kinh doanh phốt pho vàng, Axit phốt pho ric
- ✓ Các vật tư, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho sản xuất, kinh doanh phốt pho (than cốc, điện cực, ống thổi ô xy, sợi ami ăng và các vật tư khác phục vụ cho sản xuất)
- ✓ Xuất nhập khẩu sản phẩm phốt pho vàng, Axit phốt pho ric

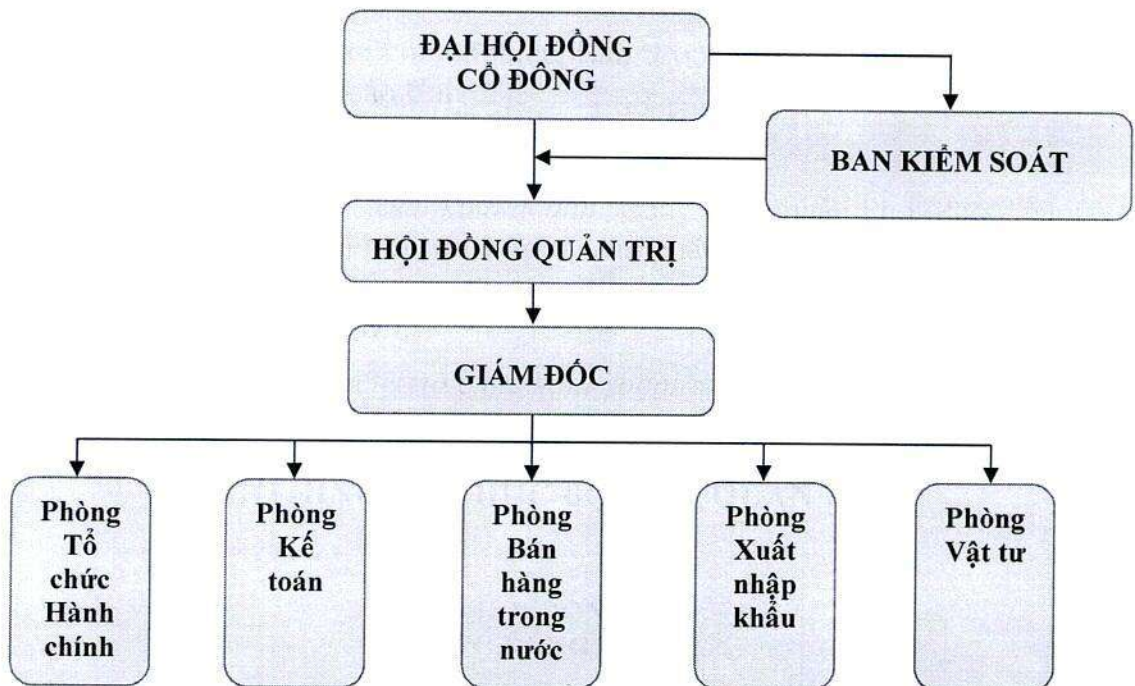
❖ *Địa bàn đặt trụ sở chính, công ty con và các chi nhánh trực thuộc:*

- Trụ sở chính: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Công ty không có Công ty con và chi nhánh trực thuộc.

❖ *Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh:* Công ty cổ phần Phốt Pho Apatit Việt Nam thực hiện bán hàng và phân phối sản phẩm trên khắp địa bàn trong nước Việt Nam và trên thế giới. Các thị trường trọng điểm trên thế giới như: Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Ấn Độ...

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

### MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



4. *Định hướng phát triển*

- Tập trung chế biến sâu quặng apatit và khoáng sản khác của Việt Nam. Trở thành Công ty sản xuất Phốt pho hàng đầu của Việt Nam.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm, hợp chất sau Phốt pho. Đây là những sản phẩm, hợp chất cơ bản, cần thiết cho các ngành nông nghiệp, thực phẩm, công nghiệp điện tử, trí tuệ nhân tạo.
- Tiếp tục nghiên cứu, mở rộng đầu tư các sản phẩm mới, mở ra hướng phát triển mới và bền vững của Công ty.
- Đẩy mạnh đầu tư cho hoạt động R&D, lấy con người là trọng tâm. Thường xuyên cho các cán bộ, kỹ sư nòng cốt được tiếp cận những công nghệ tiên tiến tại các nước phát triển.

- Chăm lo và nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên. Có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và giữ chân người tài để phục vụ cho các dự án hiện tại và trong tương lai của Công ty.
- Các sản phẩm của công ty phải đáp ứng được các tiêu chuẩn về chất lượng và giá cả để tham gia sân chơi toàn cầu.
- Hướng đến xây dựng các nhà máy hóa chất trở thành các công viên hóa chất nhờ việc giảm phát thải ra môi trường và phủ xanh nhà máy.
- Thực hiện trách nhiệm của Công ty với xã hội và cộng đồng thông qua các chương trình đóng góp, quỹ thiện nguyện.

#### 5. Các rủi ro:

Các rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh... đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hay đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty. Do vậy, để phòng ngừa hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty phải có các chiến lược, giải pháp kịp thời trong điều hành sản xuất kinh doanh.

- Rủi ro về môi trường có thể kể đến như: khói bụi, chất thải rắn, ô nhiễm nguồn nước... Tuy nhiên, Công ty luôn phát huy tinh thần của tập thể và cá nhân trong việc giảm rủi ro về môi trường thông qua việc thưởng các sáng kiến cho các cá nhân, tập thể thông qua các ý tưởng, sáng kiến giúp Công ty giảm khói bụi, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, giảm ô nhiễm môi trường.
- Đối với rủi ro thiên tai và dịch bệnh: Đây là rủi ro bất khả kháng từ bên ngoài. Bên cạnh việc Công ty tự chủ động các giải pháp phòng chống thì việc thực hiện các khuyến cáo từ các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương luôn được Công ty tuân thủ chặt chẽ.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như rủi ro chính sách, rủi ro hoạt động đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty:

- Đối với rủi ro chính sách: Có thể kể đến là sự thay đổi của các chính sách, Luật quan trọng tác động đến đời sống xã hội của cả nước nói chung và ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty. Việc này đòi hỏi Công ty phải không ngừng cập nhật thông tin, quy định của pháp luật từ đó đưa ra các giải pháp đáp ứng kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối với rủi ro hoạt động: bao gồm rủi ro trọng vận hành sản xuất kinh doanh, rủi ro trong vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế, rủi ro về nhân sự trong quá trình vận hành... Đây là những rủi ro thường trực trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Việc này đòi hỏi sự điều hành linh hoạt và kịp thời của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành của Công ty trong năm qua.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2023

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty:

#### ❖ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Sản lượng tiêu thụ Phốt pho chỉ đạt 18.027 tấn (đạt 90% công suất).
- Doanh thu: 1.710 tỷ đồng (giảm 46% so với năm 2022).

- Lợi nhuận sau thuế: 285,5 tỷ đồng (giảm 70% so với năm 2022).

❖ **Nguyên nhân:**

Năm 2023 là năm khó khăn cho sản phẩm phốt pho. Giá giảm nhanh (giảm 45%) do nhu cầu giảm mạnh. Có thời điểm Công ty phải giảm công suất, cùng với việc nguyên liệu các đầu vào đều tăng, dẫn tới kết quả sản xuất và kinh doanh của Công ty suy giảm rõ rệt.

2. *Tổ chức và nhân sự*

❖ **Danh sách Ban điều hành:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ (*)	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Tiến Đức	Giám đốc	21/10/1988	19.331	0,08%
2	Nguyễn Hùng Cường	Phó Giám đốc	20/02/1982	333	0,001%

Ghi chú: (\*) Số liệu tính đến 31/12/2023.

**Ông Đặng Tiến Đức:**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/10/1988
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thăng Lợi, Thường Tín, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 001088012819, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư, ngày cấp 08/08/2016.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân hóa
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Ủy viên HĐQT/Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty TNHH một thành viên Hóa chất Đức Giang – Lào Cai.
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2011 đến T3/2011	Công ty CP Hóa chất Đức Giang – Lào Cai	Nhân viên phòng KCS
Từ T4/2011 đến nay	Công ty CP hóa chất Đức Giang – Lào Cai (nay là Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai)	Phó Giám đốc

Từ T3/2013 đến 30/10/2017	Công ty CP hóa chất phân bón Lào Cai	Ủy viên HĐQT
Từ T5/2013 đến 30/10/2017	Công ty cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	Thành viên Ban kiểm soát
06/2018 đến nay	Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	Ủy viên HĐQT, Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: **19.331 cổ phần, chiếm 0,80%**; trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 19.331 cổ phần, chiếm 0,08%
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
  - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:
  - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên HĐQT và lương đối với Giám đốc Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

**Ông Nguyễn Hùng Cường**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/02/1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 146, lô 4, khu Giãn dân, tổ 109, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 001082011632, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư, ngày cấp 16/08/2017.
- Điện thoại liên hệ: 0948200282
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2009 đến T6/2018	Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai (nay là Công ty TNHH)	Quản đốc

	MTV hóa chất Đức Giang – Lào Cai)	
Từ T5/2015 đến 30/10/2017	Công ty cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	Ủy viên HĐQT
Từ T6/2018 đến T3/2023	Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc
Từ T3/2023 đến nay	Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	Phó Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: **333 cổ phần, chiếm 0,001%; trong đó:**
  - Sở hữu cá nhân: 333 cổ phần, chiếm 0,001%
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
  - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:
  - Lương chi trả cho Phó Giám đốc Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

**Bà Phạm Thị Bích Phương:**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/05/1990
- Nơi sinh: Tầng Loông, Bảo Thắng, Lào Cai, Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thị trấn Phố Lu, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai
- Chứng minh thư nhân dân số: 063258205, nơi cấp Lào Cai , ngày cấp 06/07/2011
- Điện thoại liên hệ: 0977242980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------



Từ năm 2012 đến T6/2014	Công ty CP hóa chất Đức Giang – Lào Cai	Kế toán viên
Từ T6/2014 đến 07/01/2018	Công ty CP hóa chất Đức Giang – Lào Cai	Kế toán trưởng
Từ 12/06/2018 đến nay	Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: **16.732 cổ phần, chiếm 0,07% ; trong đó:**
  - Sở hữu cá nhân: 16.732 cổ phần, chiếm 0,07%
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
  - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng
  - Lương chi trả cho Kế toán trưởng công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không.

❖ Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2023:

Không có.

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng số cán bộ nhân viên toàn Công ty là 252 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

Không có.

- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
1	Tổng tài sản	1.194.499	1.204.783	0,9%
2	Doanh thu thuần	3.149.890	1.710.610	-45,7%

3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.014.137	300.756	-70%
4	Lợi nhuận khác	-	-	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.014.137	300.756	-70%
6	Lợi nhuận sau thuế	963.253	285.591	-70%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	306,55%	90%	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,9	1,2	
	+ Hệ số thanh toán nhanh	1,7	1,1	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,35	0,57	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,53	1,32	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	29,9	17,2	
	+ Vòng quay tổng tài sản	2,64	1,42	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,31	0,17	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,23	0,55	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,81	0,24	
	+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,32	0,18	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 25.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang niêm yết: 25.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại 31/12/2023:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ %
-----	---------	---------	------------	------------------------	---------

1	Công ty TNHH MTV hóa chất Đức Giang - Lào Cai	Khu CN Tăng Loong - huyện Bảo Thắng - Tỉnh Lào Cai	12.750.422	127.504.220.000	51%
2	Đào Hữu Duy Anh	Số 55 Phùng Hưng, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.258.333	22.583.330.000	9,03%
3	Đào Hữu Huyền	Số 55 Phùng Hưng, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.921.666	19.216.660.000	7,69%

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/12/2023:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ %
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>24.782.860</b>	<b>247.828.600.000</b>	<b>99,13%</b>
	- Tổ chức	13.448.055	134.480.550.000	53,95%
	Trong đó cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
	- Cá nhân	11.334.805	113.348.050.000	45,34%
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>217.140</b>	<b>2.171.400.000</b>	<b>0,87%</b>
	- Tổ chức	191.400	1.914.000.000	0,77%
	- Cá nhân	25.740	257.400.000	0,10%
<b>3</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v...

- Vốn điều lệ tại thời điểm 01/01/2023 : 250.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ tăng thêm trong năm: : 0 đồng.
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023 : 250.000.000.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2023: 0 cổ phiếu.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu chính để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm quặng Apatit, than cốc, lưu huỳnh. Trong đó than cốc và lưu huỳnh là 2 nguồn nguyên liệu được công ty mua ngoài, từ các nguồn trong nước và nhập khẩu.

Nguồn nguyên liệu quan trọng nhất là quặng Apatit. Đối với quặng Apatit, bên cạnh việc mua ngoài từ các đơn vị cấp quặng trong nước, Công ty còn được hỗ trợ nguồn quặng Apatit từ Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang – là Công ty mẹ của Công ty TNHH một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai. Đây là sự hỗ trợ rất cần

thiết và kịp thời khi mà nguồn quặng từ các đơn vị bên ngoài không đủ để cung cấp cho Công ty.

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Do đặc thù sản xuất phốt pho tiêu thụ nhiều điện, do vậy lượng điện sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 đạt khoảng 266 triệu Kwh.

Với mục tiêu tiết giảm chi phí năng lượng, Công ty vẫn tiếp tục tích cực thực hiện thay đổi công nghệ sản xuất nhà máy Phốt pho, tận thu toàn bộ khí gas phát thải từ các nhà máy Phốt pho để giảm tiêu thụ điện trực tiếp. Việc này giúp Công ty tiết kiệm được hàng chục tỷ đồng mỗi năm nhờ việc tận thu được nguồn nhiệt phát thải ra bên ngoài và giúp bảo vệ môi trường.

#### 6.3. Tiêu thụ nước:

Do nhà máy của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, nên nguồn cung cấp nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày được lấy từ nguồn cấp nước của Khu công nghiệp. Lượng nước tiêu thụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 của Công ty đạt khoảng 0,15 triệu m<sup>3</sup> nước.

Để tiết kiệm nguồn tài nguyên nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đều có hệ thống xử lý nước tại các nhà máy sản xuất để tái sử dụng lại. Hệ số tái sử dụng nước của các nhà máy đạt tới 90-95%. Do vậy trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty gần như không xả nước thải ra môi trường.

#### 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2023, mặc dù các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong năm với cường độ cao, các nhà máy đều chạy hết công suất. Tuy nhiên, Công ty cũng không để xảy ra sự cố môi trường lớn nào tại nhà máy cũng như khu vực xung quanh nhà máy.

Trong năm 2023, Công ty bị Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) liên quan đến lĩnh vực môi trường do “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022” không được lập đầy đủ nội dung theo quy định. Năm 2023, Công ty cũng đã hoàn chỉnh lại Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và báo cáo Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Tổng số cán bộ, nhân viên đến 31/12/2023: 252 người.
- Lương bình quân đối với người lao động: 22,6 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

##### ➤ Chế độ làm việc

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp...

Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người

lao động, thực hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo hộ lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ để phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ đối với người lao động.

➤ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Căn cứ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm, các đơn vị trực thuộc, phòng ban lập kế hoạch tuyển lao động theo từng loại chức danh ngành nghề trình Công ty. Theo quy chế tuyển dụng, phòng Tổ chức hành chính căn cứ nhu cầu nhân lực và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh lập, cân đối nhân lực theo nhu cầu, lập kế hoạch tuyển dụng lao động trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt thực hiện.

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Hàng năm, Công ty thường tổ chức các đợt kiểm tra trình độ chuyên môn nhằm phân loại cán bộ công nhân viên theo trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề từ đó lập các kế hoạch bồi dưỡng đào tạo bổ sung. Ngoài ra, Công ty cũng khuyến khích nhân viên các phòng ban tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

➤ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Hiện nay, Công ty đã xây dựng được quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được phân phối dựa trên cơ sở đặc tính công việc, thời gian lao động và năng suất lao động. Việc phân phối lương này được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

Cùng với tiền lương, nhằm tạo không khí, môi trường làm việc tích cực, hăng hái thi đua sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện chính sách khen thưởng định kỳ và khen thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể có thành tích trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa các biện pháp sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và đạt kết quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng và gắn bó lâu dài với Công ty, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống cả vật chất lẫn tinh thần của cán bộ công nhân viên, có chính sách tặng quà, thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, trợ cấp tai nạn nghề nghiệp, thường xuyên tổ chức và phát động các phòng trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức cho toàn thể cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch, nghỉ mát,... Trong năm 2023, Công ty cũng đã chi khoảng 4,9 tỷ đồng cho các hoạt động văn nghệ, thể thao, du lịch... cho cán bộ công nhân viên.

*6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.*

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh kể từ ngày thành lập đến nay, bên cạnh việc duy trì tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng rất chú trọng đến các hoạt động thể hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương thông qua việc giữ gìn vệ sinh, cảnh quan xung quanh nhà máy. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CBCNV Công ty cũng luôn không ngừng cải tiến kỹ thuật trong sản xuất để giảm tối đa phát thải vệ sinh ra môi trường không khí, môi trường nước xung quanh nhà máy. Việc ủng hộ, tài trợ cụ thể đối với địa phương được thực hiện tại Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai và Tập đoàn Hóa chất Đức Giang.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Năm 2023 là một năm khó khăn với Công ty do nhu cầu Phốt pho trên thế giới giảm mạnh dẫn đến giá bán giảm mạnh. Điều này khiến cho chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều không đạt kế hoạch 2023 đã đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

1.1 Tình hình thực hiện KQKD 2023 so với kế hoạch 2023:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	% thực hiện
1	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.710,6	1.789,5	95,5%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	285,5	416	68,6%

1.2 Tình hình thực hiện 2023 so với năm 2022:

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	2022	2023	Tăng (giảm) %
1	Doanh thu thuần	3.149.890	1.710.610	-46%
2	Lợi nhuận sau thuế	963.253	285.591	-70%
3	Tổng tài sản	1.194.499	1.204.783	1%
4	Vốn chủ sở hữu	780.531	520.006	-33%
5	Tổng nợ phải trả	413.968	684.777	65%
6	Tỷ suất LNST/Doanh thu	30,58%	16,70%	
7	Tỷ suất LNST/Tài sản	80,64%	23,70%	
8	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	123,41%	54,92%	
9	Tỷ suất Nợ/VCSH	53,04%	131,69%	

1.3 Chi tiết cơ cấu doanh thu theo thị trường trong nước và xuất khẩu:

Stt	Doanh thu hợp nhất	Năm 2022		Năm 2023		Tăng (giảm) %
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	
1	Doanh thu trong nước	508	16,14%	665,8	38,9%	31%
2	Doanh thu xuất khẩu (quy VND)	2.642	83,86%	1.044,8	61,1%	-39,5%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.150</b>	<b>100%</b>	<b>1.710,6</b>	<b>100%</b>	<b>-54,3%</b>

Với đặc thù doanh thu xuất khẩu của Công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu, nên Công ty luôn có lượng tiền USD dồi dào trong tài khoản, giúp Công ty không bị chịu rủi ro tỷ giá khi đi vay đồng USD để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

## 2. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng (giảm)
1	Tổng tài sản	1.194.499	1.204.783	0,9%
2	Tài sản ngắn hạn	787.896	847.418	7,6%
3	Tài sản dài hạn	406.603	357.364	-12,1%
4	Phải thu ngắn hạn	159.750	165.433	3,6%
5	Phải thu dài hạn	2.000	2.000	0,0%
6	Hàng tồn kho	67.320	89.015	32,2%
7	Tài sản cố định	568.259	564.207	-0,7%
	<i>Trong đó, hao mòn lũy kế</i>	(186.074)	(230.786)	24,0%
8	Nợ ngắn hạn	413.967	684.776	65,4%
9	Nợ dài hạn	-	-	
10	Vốn chủ sở hữu	780.531	520.006	-33,4%
11	Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	66,0%	70,3%	
12	Tỷ lệ tài sản dài hạn/Tổng tài sản	34,0%	29,7%	
13	Tỷ lệ phải thu ngắn hạn/Tổng tài sản	13,4%	13,7%	
14	Tỷ lệ hàng tồn kho/Tổng tài sản	5,6%	7,4%	
15	Tỷ lệ Nợ ngắn hạn/Tổng Nguồn vốn	34,7%	56,8%	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán)

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2023 là năm khó khăn cho sản phẩm phốt pho. Giá giảm nhanh (giảm 45%), nhu cầu giảm mạnh. Có thời điểm Công ty phải giảm công suất, cùng với việc nguyên liệu các đầu vào đều tăng, dẫn tới kết quả sản xuất và kinh doanh của Công ty suy giảm rõ rệt.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Thực hiện tốt các mục tiêu nhiệm vụ được ĐHCĐ và Hội đồng quản trị giao.
- Về tài chính kế toán: Thực hiện tốt chế độ kế toán, không để xảy ra sai sót lớn trong công tác kế toán.
- Đảm bảo lương thưởng cho người lao động năm 2023 bằng năm 2022.
- Thực hiện tốt các chế độ đối với nhà nước, xã hội và với người lao động.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024 mà Đại hội đồng cổ đông thường

niên năm 2024 giao.

- Nghiên cứu triển khai các dự án mới về sản xuất và chế biến sâu khoáng sản.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	14.672.088	58,69%
	Sở hữu cá nhân		1.921.666	7,69%
	Đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai		12.750.422	51%
2	Đào Hữu Duy Anh	Ủy viên HĐQT	2.258.333	9,03%
3	Phạm Văn Hùng	Ủy viên HĐQT	107.066	0,43%
4	Đặng Tiến Đức	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty	19.331	0,08%
5	Vương Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT	32.000	0,13%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	17/01/2023	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 4/2022 và kế hoạch quý 1 năm 2023; thông qua việc ký hợp đồng và giao dịch giữa Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam với các bên có liên quan
2	02/2023/NQ-HĐQT	17/01/2023	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
3	03/2023/NQ-HĐQT	23/02/2023	Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
4	04/2023/NQ-HĐQT	23/03/2023	Thông qua việc trả cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền
5	05/2023/NQ-HĐQT	23/03/2023	Thông qua Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
6	06/2023/NQ-HĐQT	24/04/2023	Thông qua kết quả SXKD Quý 1/2023 và kế hoạch Quý 2/2023
7	07/2023/NQ-HĐQT	13/06/2023	Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2023
8	08/2023/NQ-HĐQT	21/7/2023	Thông qua kết quả SXKD Quý 2/2023 và kế hoạch Quý 3/2023



9	09/2023/NQ-HĐQT	23/10/2023	Thông qua kết quả SXKD Quý 3/2023 và kế hoạch Quý 4/2023
10	10/2023/NQ-HĐQT	23/10/2023	Thông qua phương án chốt DSCĐ để tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Bà Phạm Thị Bích	Trưởng ban Kiểm soát	0	0%
2	Ông Trần Văn Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%
3	Ông Phó Đức Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 2 lần họp với đầy đủ các thành viên tham gia. Ban Kiểm soát cũng được tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kiểm tra, giám sát việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023:

Năm 2023, BKS đã thực hiện vai trò giám sát quản lý cấp cao đối với hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Tình hình thực hiện kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Công ty trong năm 2023 tập trung chủ yếu vào các vấn đề chính sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật trong việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT năm 2023.
- Ban Kiểm soát tham gia trong tất cả các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Xem xét báo cáo tài chính, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thường niên và đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán, đồng thời giám sát việc thực hiện các kiến nghị do cơ quan kiểm toán đưa ra, từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban điều hành.

Trong năm 2023, Công ty đã phải trả 270 triệu đồng (bao gồm VAT) tiền phí kiểm toán năm tài chính 2023 cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội.

- Giám sát việc thực hiện các quy trình nội bộ. Có ý kiến đóng góp kịp thời để các

Công ty điều chỉnh và tuân thủ đúng các nguyên tắc đặt ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

*Đơn vị tính: VNĐ*

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Tổng cộng
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT		96.000.000	96.000.000
2	Đào Hữu Duy Anh	TV HĐQT		84.000.000	84.000.000
3	Phạm Văn Hùng	TV HĐQT		84.000.000	84.000.000
4	Đặng Tiến Đức	TV HĐQT/GĐ	1.991.688.475	84.000.000	2.075.688.475
5	Nguyễn Hùng Cường	TV HĐQT/PGĐ		63.000.000	63.000.000
6	Phạm Thị Bích	TB KS		72.000.000	72.000.000
7	Trần Văn Cương	TV BKS	404.348.895	48.000.000	452.348.895
8	Phó Đức Tùng	TV BKS		48.000.000	48.000.000
9	Phạm Thị Bích Phương	KTT	889.066.167	0	889.066.167

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hùng Cường	Phó Giám đốc Công ty	22.333	0,08%	333	0,001%	Bán
2	Vương Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	6.500	0,026%	32.000	0,13%	Mua đầu tư

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

**Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

Stt	Tên Công ty	Mối quan hệ với Công ty	Số giấy NSH; ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty mẹ	5300299830, 15/4/2009, Sở KHĐT Lào Cai	KCN Tầng Loóng, Bảo Thắng, Lào Cai	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Công ty con Mua thành phẩm của Công ty con Mua dịch vụ, hàng hóa của Công ty con	622.408.419.456 658.259.307.720 1.908.973.870	
2	Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)	Tổ chức có liên quan	0101452588, 06/10/2022, Sở KH&ĐT Hà Nội	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023	Mua hàng của tổ chức có liên quan Dịch vụ vận chuyển của tổ chức có liên quan Bán thành phẩm cho tổ chức có liên quan	29.426.526 788.506.364 1.012.139.700	
3	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	Tổ chức có liên quan	022031000132, 26/7/2013, BQL Khu Kinh tế Hải Phòng	KCN Đình Vũ, Hải Phòng	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023			
4	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đắk Nông	Tổ chức có liên quan	6400445420, 22/03/2022, Sở KH&ĐT Đắk Nông	KCN Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023			

5	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Tổ chức có liên quan	2802846993, 14/05/2020, Sở KH&ĐT Thanh Hóa	Khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023		
6	Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Tổ chức có liên quan	0109078678, 30/01/2020, Sở KH&ĐT Hà Nội	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023		
7	Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	Tổ chức có liên quan	0109516875, cấp ngày 01/02/2021, Sở KH&ĐT Hà Nội	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023		
8	Công ty TNHH Văn Minh	Tổ chức có liên quan	0100284958, 26/04/2014, Sở KH&ĐT Hà Nội	55 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023	Mua vật tư, đồ thí nghiệm của Công ty Văn Minh	271.131.089
9	Công ty TNHH MTV Phốt pho 6	Tổ chức có liên quan	5300813929, 11/04/2023, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai, thay đổi lần 2 ngày 20/07/2023	Lô B24, B24A, KCN Tầng Loóng, H.Bảo Thắng, T.Lào Cai, Việt Nam	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023	Bán thành phẩm cho tổ chức có liên quan	20.580.000
10	Công ty cổ phần Ắc quy Tia Sáng	Tổ chức có liên quan	0200168458, 01/10/2004, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng	Đại lộ Tôn Đức Thắng, Xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Trong năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 17/01/2023	Bán hàng hóa cho tổ chức có liên quan Thanh lý TSCĐ cho tổ chức có liên quan	746.897.350 3.751.924.789
							Mua hàng của tổ chức có liên quan	43.487.000

## VI. Báo cáo tài chính năm 2023

1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn phần. Chi tiết trong báo cáo tài chính được kiểm toán kèm theo.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem chi tiết báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính công ty đã được đăng tải trên website <https://pacvietnam.vn/>.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, HNX;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
*Dặng Liên Đức*

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 5300656602 ngày 13 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 5) được cấp vào ngày 18 tháng 9 năm 2018.

#### Giấy Chứng nhận

Đăng ký Đầu tư

Số 2486541018 ngày 21 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 23 tháng 10 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư thay đổi gần nhất (lần thứ 5) được cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2021.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên
Ông Đặng Tiến Đức	Thành viên
Ông Vương Quốc Hùng	Thành viên (từ ngày 22/3/2023)
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên (đến ngày 22/3/2023)

#### Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Bích	Trưởng ban
Ông Trần Văn Cương	Thành viên
Ông Phó Đức Tùng	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Đặng Tiến Đức	Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Đặng Tiến Đức	Giám đốc
-------------------	----------

#### Trụ sở chính

Lô KTB – 01, B28 Khu công nghiệp Tầng Loóng, thị trấn Tầng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Báo cáo tài chính này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đặng Tiến Đức  
Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật

Lào Cai, Nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 26 tháng 02 năm 2024



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phốt Pho Apatit Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 26 tháng 02 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội**



---

Trần Khắc Thế  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:  
2043-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3547  
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

---

Phạm Tuấn Anh  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:  
4666-2023-006-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>847.418.472.361</b>	<b>787.896.543.506</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	61.642.004.700	203.163.595.618
111	Tiền		1.642.004.700	6.163.595.618
112	Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	197.000.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>528.000.000.000</b>	<b>353.000.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	528.000.000.000	353.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>165.433.262.917</b>	<b>159.750.841.279</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	140.451.316.934	141.997.382.135
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.137.655.969	2.463.115.352
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	22.844.290.014	15.290.343.792
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	7	<b>89.015.906.644</b>	<b>67.320.089.309</b>
141	Hàng tồn kho		89.015.906.644	67.320.089.309
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.327.298.100</b>	<b>4.662.017.300</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.960.544.618	1.142.642.262
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		366.753.482	3.519.375.038
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>357.364.581.255</b>	<b>406.603.281.078</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>333.420.833.113</b>	<b>382.185.010.433</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	8	333.420.833.113	382.185.010.433
222	Nguyên giá		564.207.426.170	568.259.175.135
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(230.786.593.057)	(186.074.164.702)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>64.036.000</b>	<b>64.036.000</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		64.036.000	64.036.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.879.712.142</b>	<b>22.354.234.645</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	21.879.712.142	22.354.234.645
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.204.783.053.616</b>	<b>1.194.499.824.584</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>684.776.603.493</b>	<b>413.967.920.624</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>684.776.603.493</b>	<b>413.967.920.624</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	24.207.294.403	35.180.542.470
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	26.524.379.435	118.926.912
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.700.007.553	15.701.023.539
314	Phải trả người lao động		23.103.138.282	25.039.499.350
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		4.686.640.653	173.324.502
319	Phải trả ngắn hạn khác	13	225.404.934.114	250.320.219.375
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	316.639.439.733	73.873.608.377
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	61.510.769.320	13.560.776.099
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>520.006.450.123</b>	<b>780.531.903.960</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>520.006.450.123</b>	<b>780.531.903.960</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16,17	250.000.000.000	250.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		250.000.000.000	250.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	17	209.414.785.539	67.278.744.713
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	60.591.664.584	463.253.159.247
421a	- LNST chưa phân phối của các năm trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		60.591.664.584	463.253.159.247
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.204.783.053.616</b>	<b>1.194.499.824.584</b>

Phạm Thị Thu Loan  
Người lập

Phạm Thị Bích Phương  
Kế toán trưởng



Đặng Tiến Đức  
Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 26 tháng 02 năm 2024

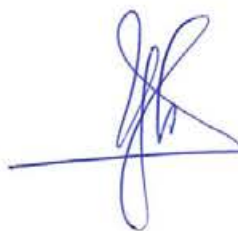
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.710.610.589.564	3.149.890.475.521
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.710.610.589.564	3.149.890.475.521
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.344.396.287.199)	(2.012.218.282.974)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	366.214.302.365	1.137.672.192.547
21	Doanh thu hoạt động tài chính	53.185.135.550	67.529.516.537
22	Chi phí tài chính	(18.231.088.409)	(26.830.270.373)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(6.952.894.581)	(2.942.013.043)
25	Chi phí bán hàng	(82.468.035.063)	(147.091.411.364)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(17.943.676.564)	(17.142.349.204)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	300.756.637.879	1.014.137.678.143
31	Thu nhập khác	-	1.404.745.341
32	Chi phí khác	-	(1.404.745.341)
40	Lợi nhuận khác	-	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	300.756.637.879	1.014.137.678.143
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	26 (15.164.973.295)	(50.884.518.896)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	285.591.664.584	963.253.159.247
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18(a) 10.775	36.341
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18(b) 10.775	36.341



Phạm Thị Thu Loan  
Người lập



Phạm Thị Bích Phương  
Kế toán trưởng




Đặng Tiến Đức  
Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 26 tháng 02 năm 2024


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	300.756.637.879	1.014.137.678.143
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	48.341.285.903	45.134.171.035
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.949.600.777	2.507.556.814
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(33.694.213.707)	(25.269.515.056)
06	Chi phí lãi vay	6.952.894.581	2.942.013.043
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	324.306.205.433	1.039.451.903.979
09	Giảm các khoản phải thu	9.451.416.443	5.584.820.122
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(21.695.817.335)	65.485.806.389
11	Tăng các khoản phải trả	15.186.455.489	70.460.017.996
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(133.008.120)	2.606.018.624
14	Tiền lãi vay đã trả	(8.129.197.167)	(3.321.740.762)
15	Thuế TNDN đã nộp	(25.409.518.896)	(38.000.000.000)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(6.792.125.200)	(2.726.584.451)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	286.784.410.647	1.139.540.241.897
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(3.283.970.172)	(30.431.365.654)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.751.924.789	-
23	Tiền chi cho vay, gửi tiết kiệm ngân hàng	(560.000.000.000)	(608.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, gửi tiết kiệm ngân hàng	385.000.000.000	295.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	26.114.268.154	12.321.636.134
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(148.417.777.229)	(331.109.729.520)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	565.754.753.171	469.866.812.064
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(329.267.407.230)	(634.474.594.098)
36	Tiền cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(516.375.000.000)	(490.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(279.887.654.059)	(654.607.782.034)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(141.521.020.641)	153.822.730.343
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 203.163.595.618	49.420.648.588
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(570.277)	(79.783.313)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 61.642.004.700	203.163.595.618

  
 Phạm Thị Thu Loan  
 Người lập

  
 Phạm Thị Bích Phương  
 Kế toán trưởng

  
 Đặng Tiến Đức  
 Giám đốc  
 Người đại diện theo pháp luật  
 Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300656602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 5) được cấp vào ngày 18 tháng 9 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã giao dịch cổ phiếu là PAT.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 252 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 218 nhân viên).

**Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình, và không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua hoặc tỷ giá bán hoặc tỷ giá chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ (đối với thành phẩm và nguyên vật liệu sản xuất chính) và phương pháp kê khai thường xuyên (đối với nguyên vật liệu phụ và vật tư xuất dùng để lắp đặt, sửa chữa) để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đáo hạn.

**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

*TSCĐ hữu hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 16 năm
Máy móc, thiết bị	8 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 7 năm
Thiết bị quản lý	10 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)**

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước. Chi phí giải phóng mặt bằng liên quan đến đất thuê được phân bổ tương ứng với thời hạn thuê đất.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.12 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính, và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.13 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

**2.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.16 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả tại ngày chốt quyền nhận cổ tức của cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

**2.17 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

**(b) Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.20 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa của Công ty.

**2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.23 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.24 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

**2.25 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.9);
- Thuế TNDN (Thuyết minh 26); và
- Nợ tiềm tàng (Thuyết minh 31).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31.12.2023</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2022</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	292.983.251	105.549.206
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.349.021.449	6.058.046.412
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	197.000.000.000
	<u>61.642.004.700</u>	<u>203.163.595.618</u>

(\*) Số dư cuối năm của khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và lãi suất 3,4% một năm (2022: 6% một năm).

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>31.12.2023</b>		<b>31.12.2022</b>	
	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Giá trị ghi sổ</u> <b>VND</b>	<u>Giá gốc</u> <b>VND</b>	<u>Giá trị ghi sổ</u> <b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	<u>528.000.000.000</u>	<u>528.000.000.000</u>	<u>353.000.000.000</u>	<u>353.000.000.000</u>

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 4,7% đến 9,2% một năm (2022: 4,9% đến 9,5% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng với giá trị 70 tỷ VND tại Ngân hàng BIDV – chi nhánh Hà Thành đã được dùng để làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành Thư bảo lãnh cho mục đích đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền điện.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31.12.2023</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2022</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba (*)	140.361.335.240	103.619.808.000
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	89.981.694	38.377.574.135
	<u>140.451.316.934</u>	<u>141.997.382.135</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)**

(\*) Chi tiết cho những khách hàng bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
United Phosphorus Limited (**)	136.732.751.232	-
K.S International	-	75.363.552.000
Filo Chemical	-	28.256.256.000
	<u>136.732.751.232</u>	<u>103.620.008.000</u>

(\*\*) Công ty đã thực hiện chiết khấu thanh toán có truy đòi với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bộ chứng từ xuất trình theo L/C một số khoản phải thu trong số dư này từ United Phosphorus Limited với giá trị là 5.605.929,28 USD (tương đương 130.618.307.603 VND) (Thuyết minh 14).

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	22.255.926.023	14.666.109.575
Khác	588.363.991	624.234.217
	<u>22.844.290.014</u>	<u>15.290.343.792</u>

**7 HÀNG TỒN KHO**

	31.12.2023		31.12.2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	19.499.236.099	-	17.431.326.719	-
Công cụ, dụng cụ	1.296.548	-	842.254	-
Thành phẩm	69.515.373.997	-	49.887.920.336	-
	<u>89.015.906.644</u>	<u>-</u>	<u>67.320.089.309</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Mẫu số B 09 - DN

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	300.295.843.947	236.623.222.845	30.835.388.724	504.719.619	568.259.175.135
Mua trong năm	-	3.329.033.372	-	-	3.329.033.372
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.380.782.337)	-	-	(7.380.782.337)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	300.295.843.947	232.571.473.880	30.835.388.724	504.719.619	564.207.426.170
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(77.556.576.150)	(87.576.266.477)	(20.704.792.699)	(236.529.376)	(186.074.164.702)
Khấu hao trong năm	(18.913.709.295)	(24.522.567.287)	(4.857.839.919)	(47.169.402)	(48.341.285.903)
Thanh lý, nhượng bán	-	3.628.857.548	-	-	3.628.857.548
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(96.470.285.445)	(108.469.976.216)	(25.562.632.618)	(283.698.778)	(230.786.593.057)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	222.739.267.797	149.046.956.368	10.130.596.025	268.190.243	382.185.010.433
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	203.825.558.502	124.101.497.664	5.272.756.106	221.020.841	333.420.833.113

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 3.630.478.182 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.630.478.182 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31.12.2023</b>	<b>31.12.2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giải phóng mặt bằng đất thuê (*)	17.634.158.040	19.261.926.484
Sửa chữa TSCĐ	4.245.554.102	3.073.110.611
Công cụ, dụng cụ	-	19.197.550
	<u>21.879.712.142</u>	<u>22.354.234.645</u>

(\*) Bao gồm các khoản chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng đất thuê và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 16 năm phù hợp với thời gian của hợp đồng thuê đất.

**10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31.12.2023</u>		<u>31.12.2022</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba (*)	18.015.601.352	18.015.601.352	35.154.406.526	35.154.406.526
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	6.191.693.051	6.191.693.051	26.135.944	26.135.944
	<u>24.207.294.403</u>	<u>24.207.294.403</u>	<u>35.180.542.470</u>	<u>35.180.542.470</u>

(\*) Chi tiết cho những nhà cung cấp bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	<b>31.12.2023</b>	<b>31.12.2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Dịch vụ Năng lượng SBM	7.113.221.140	14.154.948.234
Dossa Chemicals Private Limited	375.552.000	11.117.030.400
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	466.696.000	4.147.680.000
	<u>7.955.469.140</u>	<u>19.419.658.634</u>

**11 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>31.12.2023</b>	<b>31.12.2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bên thứ ba	<u>26.524.379.435</u>	<u>118.926.912</u>

Chi tiết cho những khách hàng bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn như sau:

	<b>31.12.2023</b>	<b>31.12.2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
K.S. International	<u>26.357.921.762</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	17.874.451.958	(17.874.451.958)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.098.542.476	(1.098.542.476)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	52.952.474.578	(52.952.474.578)	-
Thuế TNDN	12.884.518.896	15.164.973.295	(25.409.518.896)	2.639.973.295
Thuế TNCN	2.816.504.643	17.703.298.287	(20.459.768.672)	60.034.258
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>15.701.023.539</u>	<u>104.796.740.594</u>	<u>(117.797.756.580)</u>	<u>2.700.007.553</u>

**13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 17)	225.000.000.000	250.000.000.000
Khác	404.934.114	320.219.375
	<u>225.404.934.114</u>	<u>250.320.219.375</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

14 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch (i)					
• Vay ngắn hạn – USD	73.873.608.377	62.821.264.689	(136.694.873.066)	-	-
• Vay ngắn hạn – VND (a)	-	70.544.731.116	-	-	70.544.731.116
• Chiếu khấu L/C có truy đòi (b)	-	130.618.307.603	-	6.278.485.415	136.896.793.018
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (ii)	-	110.531.588.022	(56.047.718.106)	-	54.483.869.916
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (iii)					
• Vay ngắn hạn – USD	-	98.678.799.980	(98.678.799.980)	-	-
• Vay ngắn hạn – VND	-	32.965.983.893	-	-	32.965.983.893
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng (iv)	-	34.947.649.800	(13.199.588.010)	-	21.748.061.790
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa	-	24.646.428.068	(24.646.428.068)	-	-
	<u>73.873.608.377</u>	<u>565.754.753.171</u>	<u>(329.267.407.230)</u>	<u>6.278.485.415</u>	<u>316.639.439.733</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

TT	Bên cho vay	Hạn mức và thời hạn tín dụng	Số dư cuối kỳ VND	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
i	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	(a) Hạn mức tín dụng là 80 tỷ Đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn cho vay đối với mỗi khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân.	70.544.731.116	2,5% - 3,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Không
		(b) Đây là khoản chiết khấu có truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo L/C xuất khẩu. Khoản chiết khấu được giải ngân trong năm bằng USD với phí chiết khấu là 3,6%/năm.	136.896.793.018			Quyền thu khoản phải thu (Thuyết minh 5)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM**

**Mẫu số B 09 - DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**14 VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

TT	Bên cho vay	Hạn mức và thời hạn tín dụng	Số dư cuối năm VND	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
ii	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Hạn mức tín dụng là 5,2 triệu USD hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn cho vay không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân.	54.483.869.916	2% - 3%/năm	Bổ sung vốn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thư bảo lãnh vay vốn của công ty mẹ có giá trị tối đa là 124,8 tỷ Đồng;</li> <li>Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ cao nhất) có giá trị tối đa 124,8 tỷ Đồng.</li> </ul>
iii	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Hạn mức tín dụng là 95 tỷ Đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân.	32.965.983.893	2,3% - 2,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thư bảo lãnh vay vốn của công ty mẹ có giá trị tối đa là 100 tỷ Đồng;</li> <li>Thư bảo lãnh vay vốn của công ty mẹ cao nhất có giá trị tối đa 100 tỷ Đồng.</li> </ul>
iv	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	Hạn mức tín dụng là 50 tỷ Đồng. Thời hạn vay không quá 3 tháng kể từ ngày giải ngân.	21.748.061.790	2%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Bảo lãnh thanh toán của công ty mẹ trị giá 50 tỷ Đồng.
<b>Tổng cộng</b>			<b>316.639.439.733</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**15 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	13.560.776.099	2.456.161.602
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	54.742.118.421	13.831.198.948
Sử dụng quỹ trong năm	(6.792.125.200)	(2.726.584.451)
Số dư cuối năm	<u>61.510.769.320</u>	<u>13.560.776.099</u>

**16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	31.12.2023 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2022 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31.12.2023		31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	12.750.422	51,00	12.750.422	51,00
Ông Đào Hữu Duy Anh	2.258.333	9,03	2.258.333	9,03
Ông Đào Hữu Huyền	1.921.666	7,69	1.921.666	7,69
Các cổ đông khác	8.069.579	32,28	8.069.579	32,28
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	<u>25.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>25.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>25.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	250.000.000.000	18.291.250.574	252.818.693.087	521.109.943.661
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	963.253.159.247	963.253.159.247
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	48.987.494.139	(48.987.494.139)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.831.198.948)	(13.831.198.948)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(690.000.000.000)	(690.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	250.000.000.000	67.278.744.713	463.253.159.247	780.531.903.960
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	285.591.664.584	285.591.664.584
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	142.136.040.826	(142.136.040.826)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15) (*)	-	-	(54.742.118.421)	(54.742.118.421)
Chia cổ tức bằng tiền (**)	-	-	(491.375.000.000)	(491.375.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	250.000.000.000	209.414.785.539	60.591.664.584	520.006.450.123

(\*) Công ty trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023.

(\*\*) Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền theo các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 10/2023/NQ-HĐQT đề ngày 23 tháng 10 năm 2023 với giá trị là 491.375.000.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư cổ tức chưa trả là 225.000.000.000 Đồng (Thuyết minh 13) và đã được thanh toán cho các cổ đông sau ngày báo cáo tài chính (Thuyết minh 32).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**18 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông (VND)	285.591.664.584	963.253.159.247
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(16.229.069.860)	(54.737.951.954)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	269.362.594.724	908.515.207.293
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.775	36.341

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2023 được tạm tính theo tỷ lệ trích của năm trước.

**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 4.684,68 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 246.566,89 Đô la Mỹ).

**20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	2.813.906.720	116.128.243.982
Doanh thu bán thành phẩm	1.707.796.682.844	3.033.762.231.539
	<u>1.710.610.589.564</u>	<u>3.149.890.475.521</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.855.432.042	99.122.108.879
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.341.540.855.157	1.913.096.174.095
	<u>1.344.396.287.199</u>	<u>2.012.218.282.974</u>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi	33.704.084.602	25.303.488.176
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	19.481.050.948	42.226.028.361
	<u>53.185.135.550</u>	<u>67.529.516.537</u>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền vay	6.952.894.581	2.942.013.043
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.328.593.051	21.380.700.516
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính	1.949.600.777	2.507.556.814
	<u>18.231.088.409</u>	<u>26.830.270.373</u>

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Chi phí vận chuyển	37.965.031.288	118.028.642.770
Chi phí hoa hồng	40.197.362.535	22.641.607.114
Khác	4.305.641.240	6.421.161.480
	<u>82.468.035.063</u>	<u>147.091.411.364</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	13.067.726.405	12.469.332.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.365.633.908	2.223.178.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.508.925.538	1.620.939.344
Khác	1.001.390.713	828.899.470
	<u>17.943.676.564</u>	<u>17.142.349.204</u>

26 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% được thể hiện như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	300.756.637.879	1.014.137.678.143
Thuế tính ở thuế suất 20%	60.151.327.576	202.827.535.629
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	408.565.605	710.539.954
Thuế được ưu đãi, miễn hoặc giảm (*)	(45.419.919.886)	(152.653.556.687)
Thuế TNDN bổ sung	25.000.000	-
Chi phí thuế TNDN (**)	<u>15.164.973.295</u>	<u>50.884.518.896</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN – hiện hành	15.164.973.295	50.884.518.896
Thuế TNDN – hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (**)	<u>15.164.973.295</u>	<u>50.884.518.896</u>

(\*) Dự án sản xuất phốt pho vàng của Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án sản xuất phốt pho vàng đi vào hoạt động (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2022 đến năm 2030).

(\*\*) Chi phí thuế TNDN trong năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	852.300.244.633	1.245.264.085.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	466.407.435.478	630.599.910.735
Chi phí nhân công	86.465.100.639	80.485.422.510
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.341.285.903	45.134.171.035
Chi phí khác	8.065.953.792	6.670.713.559
	1.461.580.020.445	2.008.154.303.560

**28 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận chính yếu (theo lĩnh vực kinh doanh)**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu từ bán thành phẩm (chủ yếu là phốt pho vàng) chiếm 99,8% tổng doanh thu của Công ty (2022: 96,3%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)**

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	2023		Tổng cộng VND
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	
Doanh thu thuần	665.839.546.178	1.044.771.043.386	1.710.610.589.564
Tổng tài sản bộ phận cuối năm (không phân bổ)	(*)	(*)	1.204.783.053.616
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (không phân bổ)	(*)	(*)	3.283.970.172
	665.839.546.178	1.044.771.043.386	1.710.610.589.564

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**28 BẢO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý) (tiếp theo)

	2022		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	508.365.044.526	2.641.525.430.995	3.149.890.475.521
Tổng tài sản bộ phận cuối năm (không phân bổ)	(*)	(*)	1.194.499.824.584
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (không phân bổ)	(*)	(*)	30.431.365.654

(\*) Công ty không trình bày tài sản và nợ phải trả trên báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý bởi Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam và không theo dõi tài sản và nợ phải trả theo vị trí của khách hàng.

**29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai do Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Chi tiết của các bên liên quan và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Công ty mẹ cao nhất
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ	Công ty con trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Công ty con trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Công ty con trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	Công ty con trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đắk Nông	Công ty con trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Ấc quy Tia Sáng	Công ty con trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phốt pho 6	Công ty con trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Văn Minh	Chung sự kiểm soát của Chủ tịch HĐQT
Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan của các thành viên này	Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2023 VND	2022 VND
<i>i) Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	817.932.890	22.798.100.576
Bán hàng hóa và vật tư	1.012.139.700	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>ii) Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai</i>		
Mua hàng hóa	622.408.419.456	1.085.084.625.424
Mua TSCĐ	-	21.225.452.768
Bán thành phẩm	658.259.307.720	499.160.039.901
Bán hàng hóa và vật tư	1.908.973.870	3.189.215.335
Cổ tức công bố	250.609.544.410	351.911.647.200
Thanh toán cổ tức	263.359.966.410	249.908.271.200
Khác	-	1.404.745.341
Thanh toán công nợ phải trả người bán ngắn hạn bằng chuyển quyền sở hữu các khoản tiền gửi có kỳ hạn	-	200.000.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>iii) Công ty TNHH MTV Phốt pho 6</i>		
Mua hàng hóa	281.310.770	-
Bán hàng hóa	673.403.761	-
Thanh lý TSCĐ	3.751.924.789	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>iv) Công ty TNHH Văn Minh</i>		
Mua hàng hóa	271.131.089	247.850.830
Bán thành phẩm	20.580.000	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>v) Ông Đào Hữu Huyền – Chủ tịch HĐQT</i>		
Cổ tức công bố	37.770.345.230	53.037.981.600
Thanh toán cổ tức	39.692.011.230	37.664.653.600
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>vi) Ông Đào Hữu Duy Anh – Thành viên HĐQT</i>		
Cổ tức công bố	44.387.535.115	62.329.990.800
Thanh toán cổ tức	46.645.868.115	44.263.326.800
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<b>vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Ông Đào Hữu Huyền – Chủ tịch HĐQT	96.000.000	89.000.000
Ông Đào Hữu Duy Anh – Thành viên HĐQT	84.000.000	78.000.000
Ông Đặng Tiến Đức – Thành viên HĐQT/Giám đốc	2.075.688.475	2.174.384.500
Ông Phạm Văn Hùng – Thành viên HĐQT	84.000.000	78.000.000
Ông Vương Quốc Hùng – Thành viên HĐQT	63.000.000	-
Ông Nguyễn Hùng Cường – Phó giám đốc	1.128.676.538	1.138.073.077
Bà Phạm Thị Bích Phương – Kế toán trưởng	889.066.167	1.655.464.827
Bà Phạm Thị Bích – Trưởng Ban Kiểm soát	72.000.000	66.000.000
Ông Trần Văn Cương – Thành viên Ban Kiểm soát	452.348.895	478.000.771
Ông Phó Đức Tùng – Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	44.000.000
	<u>4.992.780.075</u>	<u>5.800.923.175</u>
<b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>		
	<b>31.12.2023 VND</b>	<b>31.12.2022 VND</b>
<b>i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	-	38.377.574.135
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	38.610.000	-
Công ty TNHH MTV Phốt pho 6	51.371.694	-
	<u>89.981.694</u>	<u>38.377.574.135</u>
<b>ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)</b>		
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	6.187.075.052	-
Công ty TNHH Văn Minh	4.617.999	26.135.944
	<u>6.191.693.051</u>	<u>26.135.944</u>
<b>iii) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	114.753.798.000	127.504.220.000
Ông Đào Hữu Duy Anh	20.324.997.000	22.583.330.000
Ông Đào Hữu Huyền	17.294.994.000	19.216.660.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**30 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tiền thuê đất	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Từ 1 đến 5 năm	3.246.055.110	1.970.144.615
Trên 5 năm	21.387.141.234	22.663.051.729
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>24.633.196.344</b>	<b>24.633.196.344</b>

**31 NỢ TIỀM TÀNG**

**Nghĩa vụ hoàn nguyên các khu đất thuê**

Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Các hợp đồng thuê đất này không có quy định về nghĩa vụ hoàn nguyên đối với các khu đất thuê. Theo đó, Ban Giám đốc của Công ty đánh giá là Công ty có thể có các nghĩa vụ hoàn nguyên trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi các khu đất và phục hồi các khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban thành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Ban Giám đốc không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**32 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Trong tháng 1 và tháng 2 năm 2024, Công ty đã thanh toán toàn bộ số cổ tức chưa trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho các cổ đông hiện hữu (Thuyết minh 13).

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 26 tháng 02 năm 2024.



Phạm Thị Thu Loan  
Người lập



Phạm Thị Bích Phương  
Kế toán trưởng



Đặng Tiến Đức  
Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật